

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:117/2022/DS-PT

Ngày:15/6/2022

Về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:101/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:20/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng M** - Sinh năm 1969; nơi cư trú: Phường x, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Cao Văn B** - Sinh năm 1950.

2/ Bà **Nguyễn Thị Xuân H1** - Sinh năm 1954.

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn B: Bà **Nguyễn Thị Xuân H1**- Sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền ngày 01/6/2022 – Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Cao Văn H2** - Sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Hoàng M** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:*

Ông không biết ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1, ông chỉ quen với anh Cao Văn H2 con rể ông B, bà H1. Ngày 15/6/2020 ông B, bà H1 làm biên nhận vay của ông 100.000.000đ. Ngày 26/8/2020, ông B, bà H1 làm biên nhận vay tiếp 120.000.000đ. Tổng cộng là 220.000.000đ. Lãi suất 1%/ tháng. Thời hạn vay theo thỏa thuận miệng là 30 ngày sẽ hoàn gốc và lãi, nhưng đến hạn ông B và bà H1 không thực hiện.

Ngoài ra, khi vay, ông B và bà H1 có thể chấp cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 481, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.920,4m², tọa lạc tại ấp Ruột Ngựa, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long mang tên ông B, bà H1.

Do ông B, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà H1 trả cho ông 220.000.000đ gốc và tiền lãi 6.600.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 226.600.000đ. Khi ông B, bà H1 trả tiền ông M thì ông M tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H1. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Ngày 05/5/2021, ông M có đơn yêu cầu giám định chữ ký; ngày 25/10/2021, ông M rút đơn yêu cầu giám định.

- *Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 28/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1 do bà Nguyễn Thị Xuân H1 làm đại diện trình bày:*

Bà H1 và ông B không biết mặt ông M, bà và ông B không có vay mượn tiền của ông M. Tuy nhiên, trước đây, con rể bà là Cao Văn H2 có khó khăn nên mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của bà để thế chấp vay vốn Ngân hàng, bà và ông B có đưa cho H2 mượn, còn H2 cầm cố cho ông M như thế nào bà và ông B không biết, khi ông M xuống nhà đòi tiền bà và ông B thì bà mới biết mặt ông M. Bà và ông B không có ký tên vào các biên nhận do ông M cung cấp.

Việc ông M khởi kiện đòi bà và ông B trả 226.600.000đ gốc và lãi thì bà và ông B không đồng ý, bà và ông B yêu cầu ông M trả lại giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà do ông M đang quản lý.

- Tại bản khai ý kiến ngày 24/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H2 trình bày:

Ông là con rể bà H1 và ông B. Số tiền 220.000.000đ như ông M trình bày là do ông trực tiếp vay của ông M với mức lãi 30%/ tháng, ông đóng lãi cho ông M thời gian dài, đến lúc anh hết khả năng đóng nữa thì ông M khởi kiện. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông M đang quản lý mang tên bà H1 và ông B là do ông mượn của ông B, bà Xuân để thế chấp vay tiền của ông M, ông B và bà Xuân không biết. Các biên nhận do ông M cung cấp kèm theo đơn khởi kiện cũng do ông tự ký, ông B và bà H1 không ai trực tiếp ký. Hiện tại, ông không còn khả năng trả nên xin ông M cho trả dần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 07/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85, 86, Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 166; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M về việc buộc ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1 trả ông Nguyễn Hoàng M số tiền 220.000.000đ vốn và 6.600.000đ lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 226.600.000đ.

- Dành quyền khởi kiện giữa ông Nguyễn Hoàng M và anh Cao Văn H2 bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M đối với ông B và bà H1, về án phí, về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/3/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Ông M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông B và bà H1 trả lại số tiền gốc 220.000.000đ và tiền lãi 6.600.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng M rút một phần yêu cầu kháng cáo, cụ thể là ông M không yêu cầu ông B và bà H1 trả cho ông số tiền lãi 6.600.000đ, chỉ yêu cầu ông B và bà H1 trả cho ông số tiền nợ gốc là 220.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần tiền lãi mà ông Nguyễn Hoàng M đã rút kháng cáo.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng M, sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1 trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền 220.000.000đ.

Ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng M đã rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về phần tiền lãi 6.600.000đ. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án về phần tiền lãi này.

[2]Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng M về việc buộc ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1 trả số tiền gốc 220.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại tờ Biên nhận ngày 15/6/2020 có nội dung bà H1 và ông B vay của ông M số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/12/2020), bà H1 và ông B có thể chấp quyền sử dụng đất thửa đất 481, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.920,4m². Tại tờ Biên nhận ngày 26/8/2020 có nội dung bà H1 và ông B vay của ông M số tiền 120.000.000đ, thời gian vay từ ngày 26/8 đến ngày 04/9/2020, có thể chấp tài sản gắn liền với đất số thửa 481, tờ bản đồ số 10, địa chỉ xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, diện tích 1.920,4m².

[2.2] Ông M trình bày rằng do ông quen biết ông H2 nên ông có cho cha mẹ vợ của ông H2 là ông B và bà H1 vay tiền và ông có giữ Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của ông B và bà H1 đối với thửa số 481, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.920,4m², tọa lạc tại ấp Ruột Ngựa, xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông M xác định khi ông B và bà H1 vay tiền, ông H2 là người viết các biên nhận giùm cho ông B và bà H1, còn ông B và bà H1 là người trực tiếp ký tên của mình vào các biên nhận và là người nhận số tiền vay. Lời trình bày này của ông M phù hợp một phần với lời trình bày của ông B, bà H1 và ông H2, cụ thể ông B và bà H1 thừa nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 481 của ông bà là do ông M đang giữ, còn ông H2 thì thừa nhận các biên nhận do ông M cung cấp là do ông H2 viết. Ông M yêu cầu giám định chữ ký của ông B và bà H1 trong tờ Biên nhận ngày 15/6/2020 và tờ Biên nhận ngày 26/8/2020.

[2.3] Bà H1 và ông B (do bà H1 đại diện) không thừa nhận việc vay tiền của ông M nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông M. Bà H1 và ông B không thừa nhận chữ ký trong các biên nhận là của ông bà, không yêu cầu giám định chữ ký trong các biên nhận do ông M cung cấp, không đồng ý cung cấp mẫu chữ ký của mình cho Tòa án để phục vụ cho việc giám định.

[2.4] Ông H2 trình bày rằng ông là người vay tiền của ông M, là người viết và ký tên các Biên nhận vay, ông B và bà H1 không có ký tên vào các biên nhận này nhưng ông H2 cũng không đồng ý giám định chữ ký.

[2.5] Như vậy, ông B, bà H1 và ông H2 là các đương sự phản đối yêu cầu kháng cáo của ông M nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án này. Xét thấy, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông M là tờ Biên nhận ngày 15/6/2020 và tờ Biên nhận ngày 26/8/2020 có thể hiện số tiền ông B và bà H1 vay của ông M tổng cộng là 220.000.000đ và có thể hiện chữ ký của bên vay; còn chứng cứ chứng minh cho sự phản đối yêu cầu kháng cáo của ông B, bà H1 và ông H2 thì ông B, bà H1 và ông H2 không cung cấp, không hợp tác để Tòa án thu thập chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M về việc buộc ông B và bà H1 trả cho ông số tiền gốc 220.000.000đ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.6] Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M đối với ông B và bà H1 không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại như sau:

Ông B và bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông bà được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông M chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của ông B và bà H1 đã được chấp nhận nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.665.000đ mà ông M đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; số tiền chênh lệch được hoàn trả lại cho ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án về phần tiền lãi 6.600.000đ.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 166, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M.

Buộc ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Nguyễn Hoàng M chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.665.000đ (Năm triệu sáu

trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009004 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm; số tiền chênh lệch là 5.365.000đ (Năm triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) được hoàn trả lại cho ông M.

-Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Cao Văn B và bà Nguyễn Thị Xuân H1.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng M 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0008095 ngày 07/3/2022.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M đối với ông B, bà H1 không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Đường sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà